

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/7/2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yên Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu Trang

Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên
tòa:** Bà Ngô Thị Mỹ Trang - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2021/TLST-HNGĐ, ngày 02/4/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1978

Địa chỉ: số 95, ấp 8 (L), xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre

- Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Kim T1, sinh năm 1986

Địa chỉ: số 95, ấp 8 (L), xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre

Địa chỉ liên hệ: số 459, ấp 2, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre

(Anh T và chị T1 cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn anh Nguyễn Hồng T trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị Kim T1 kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/3/2011; hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại số 95, ấp 8 (L), xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn phát sinh hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị T1 nữa, anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh T yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim T1, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị Huỳnh Thị Kim T1 có 1 con chung là: Nguyễn Huỳnh Tâm Đ, sinh ngày 24/8/2011. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc nên anh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Theo bị đơn chị Huỳnh Thị Kim T1 trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hồng T kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/3/2011; hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại số 95, ấp 8 (L), xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Giữa anh chị không có phát sinh mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, do thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, thiếu hụt tiền bạc nên chị có nói với anh T là chị sẽ đi Bình Dương làm, anh T cũng đồng ý. Chị T1 đi làm ở Bình Dương từ tháng 9/2020 đến nay không có chung sống với anh T nữa, anh chị ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm ai. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị T1 đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Hồng T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Chị T1 và anh Nguyễn Hồng T có 1 con chung là: Nguyễn Huỳnh Tâm Đ, sinh ngày 24/8/2011. Chị đồng ý để anh T trực tiếp nuôi con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T1 khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T1 khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận đi làm ăn xa nên chị T1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay,

Nguyên đơn anh Nguyễn Hồng T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Kim T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chị Huỳnh Thị Kim T1 chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong giai đoạn hòa giải.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hồng T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Anh Nguyễn Hồng T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho anh được ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim T1 và được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

- Bị đơn chị Huỳnh Thị Kim T1 hiện đang cư trú tại huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Anh Nguyễn Hồng T và chị Huỳnh Thị Kim T1 đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T và chị T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng T và chị Huỳnh Thị Kim T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/3/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, anh T cho rằng anh và chị T1 bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn phát sinh hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị T1 nữa nên xin được ly hôn. Về phía chị T1, chị T1 cho rằng giữa chị và anh T không có phát sinh mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, do thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, thiếu hụt tiền bạc nên chị có bỏ đi Bình Dương làm, khi đi chị cũng có báo cho anh T biết. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 9/2020 đến nay, nay anh T xin ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Xét thấy, hiện tại anh Nguyễn Hồng T và chị Huỳnh Thị Kim T1 mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cả hai bên đều không ai mong muốn đoàn tụ, mục đích hôn nhân vì thế không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Hồng T và chị Huỳnh Thị Kim T1 có 1 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Tâm Đ, sinh ngày 24/8/2011, hiện đang sống với anh T. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Tâm Đ, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu Tâm Đ hiện đang sống với cha và có cuộc sống, học tập, sinh hoạt ổn định. Việc sống chung với cha là phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của cháu Tâm Đ. Đồng thời, phía chị T1 cũng đồng ý để anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tâm Đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận để anh Nguyễn Hồng T là người trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Huỳnh Tâm Đ cho đến khi cháu Tâm Đ đủ 18 tuổi. Xét việc anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Hồng T và chị Huỳnh Thị Kim T1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Hồng T và chị Huỳnh Thị Kim T1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, anh Nguyễn Hồng T phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hồng T đối với bị đơn chị Huỳnh Thị Kim T1, cụ thể tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim T1.

- Về con chung: Anh Nguyễn Hồng T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Tâm Đ, sinh ngày 24/8/2011 cho đến khi cháu Tâm Đ đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc anh T không yêu cầu chị Huỳnh Thị Kim T1 cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị T1 được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Hồng T và chị Huỳnh Thị Kim T1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Hồng T và chị Huỳnh Thị Kim T1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh Nguyễn Hồng T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000354 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Anh T đã nộp xong tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Hồng T và chị Huỳnh Thị Kim T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật đề yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã L, H. G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương